TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lệ Chi

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số E đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2023, bản tự khai ngày 17/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T tự nguyện yêu nhau rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 24 tháng 7 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại huyện K, tỉnh Hải Dương được một thời gian thì chuyển về địa chỉ số E đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh

Bình Dương sinh sống cho đến nay. Vợ chồng sinh sống hạnh phúc đến đầu 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cải vã. Mặc dù chung sống cùng nhau nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay, bà H xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 03/05/2004 và Phạm Trung N, sinh ngày 27/12/2013. Hiện 02 con chung đang chung sống với bà H và ông T. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trung N. Bà H không yêu cầu ông Phạm Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phạm Thị Thu T1 hiện nay đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến là thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà H với ông T xảy ra trong một thời gian dài, rất nghiêm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, hiện tại bà H không còn tình cảm với ông T, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H là có căn cứ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với ông Phạm Văn T. Ông T có địa chỉ thường trú tại số E đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 , ngày 24 tháng 07 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H cho rằng từ lúc kết hôn cho đến đầu năm 2008 thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cải vã. Mặc dù chung sống cùng nhau nhưng không ai quan tâm đến ai và hiện tại bà H không còn tình cảm với ông T nên bà H đã có đơn khởi kiện ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì *"ông Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thường trú số số 530/41/20 đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên"*. Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nêu trên cho ông T nhưng ông T vẫn không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, lời trình bày của bà H và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau*: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Bà H xác định không còn tình cảm yêu thương ông T, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T không đạt được nên cần giải quyết cho bà H và ông T ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 03/05/2004 (đã trưởng thành) và Phạm Trung N, sinh ngày 27/12/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trung H1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về nuôi con của bà H thấy rằng: Cháu Phạm Trung N, sinh ngày 27/12/2013 đã hơn 10 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống cùng bà H, mặt khác, xét về mặt kinh tế bà H làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bà H còn làm thêm, thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, do đó cần giao cháu H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với cháu Thu T1 đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn T về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Trung N, sinh ngày 27/12/2013. Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Văn T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006848, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân